



**CÔNG TY ĐẦU GIÁ
HỢP DANH ĐÔNG DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Trụ sở chính: Lô DC1a-13 Nguyễn Thị Định, Quy Nhơn
ĐT: 0256.2200569-Fax: 0256.3547029-DD: 091.4024837
Website: www.daugiataisandongduong.com
Số: **173** /TBĐGTS-DD

Bình Định, ngày 14 tháng 3 năm 2023

THÔNG BÁO ĐẦU GIÁ TÀI SẢN

Căn cứ Luật Đầu giá tài sản năm 2016;

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ đầu giá tài sản số 84/2022/HĐDV ngày 05/10/2022 giữa Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã Hoài Nhơn và Công ty đầu giá hợp danh Đông Dương;

Căn cứ Hợp đồng điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Hợp đồng dịch vụ đầu giá tài sản số 91/2022/HĐDV.SĐBS ngày 08/11/2022 giữa Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã Hoài Nhơn và Công ty đầu giá hợp danh Đông Dương;

Căn cứ Hợp đồng điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Hợp đồng dịch vụ đầu giá tài sản số 06/2023/HĐDV.SĐBS ngày 13/01/2023 giữa Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã Hoài Nhơn và Công ty đầu giá hợp danh Đông Dương;

Căn cứ Hợp đồng điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Hợp đồng dịch vụ đầu giá tài sản số 24/2023/HĐDV.SĐBS ngày 14/3/2023 giữa Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã Hoài Nhơn và Công ty đầu giá hợp danh Đông Dương.

Nay Công ty đầu giá hợp danh Đông Dương ban hành thông báo đầu giá tài sản là quyền sử dụng đất ở, cụ thể như sau:

1. Tài sản đầu giá:

- 77 lô đất ở tại khu dân cư thuộc dự án đường kết nối giữa QL1 cũ và QL1 mới tại Km 1145+540 và 12 lô đất ở tại khu dân cư khu phố 2, phường Bồng Sơn, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định;
- 40 lô đất ở tại khu dân cư khu phố Tăng Long 1, phường Tam Quan Nam, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định;
- 34 lô đất ở tại khu dân cư khu phố Lại Khánh, phường Hoài Đức, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định;
- 23 lô đất ở tại khu dân cư thôn Tân Trung (điểm số 2), xã Hoài Châu, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định;
- 19 lô đất ở tại khu dân cư khu phố Đệ Đức 1, phường Hoài Tân, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định;



- 15 lô đất ở tại các khu dân cư xã Hoài Châu Bắc, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định;

- 13 lô đất ở tại khu dân cư khu phố Công Thạnh, phường Tam Quan Bắc, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định;

- 12 lô đất ở tại các khu dân cư phường Hoài Thanh Tây, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định;

- 11 lô đất ở tại khu dân cư khu phố Ca Công, phường Hoài Hương, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định;

- 07 lô đất ở tại các khu dân cư phường Hoài Thanh, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định;

Mục đích sử dụng đất: Đất ở nông thôn và đất ở đô thị;

Hình thức giao đất: Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá;

Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài;

Kèm theo sơ đồ quy hoạch phân lô chi tiết.

2. Tổng giá khởi điểm của tài sản: 295.929.773.000 đồng (Hai trăm chín mươi lăm tỷ chín trăm hai mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

3. Người có tài sản đấu giá:

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã Hoài Nhơn

Địa chỉ: Số 06 đường 28/3, phường Bồng Sơn, thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

4. Hình thức đấu giá: Kết hợp giữa đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp với đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá.

5. Phương thức đấu giá: Phương thức trả giá lên, bán riêng từng lô đất.

6. Thời gian, địa điểm xem tài sản: Liên tục kể từ ngày niêm yết cho đến ngày tổ chức cuộc đấu giá, tại nơi có tài sản đấu giá đang tọa lạc.

7. Ký hiệu, vị trí, diện tích, giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền hồ sơ tham gia đấu giá, bước giá của từng lô đất; Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, đăng ký tham gia đấu giá, nộp khoản tiền đặt trước và tiền hồ sơ tham gia đấu giá, nộp phiếu trả giá, tổ chức cuộc đấu giá: Đính kèm theo bảng chi tiết.

8. Địa điểm nộp khoản tiền đặt trước: Tài khoản của Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương gồm:

- Tài khoản số: 111002775169 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh KCN Phú Tài;

- Tài khoản số: 402034433100003 tại Ngân hàng TMCP Nam Á – Chi nhánh Quy Nhơn;

- Tài khoản số: 4309201002513 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh KCN Phú Tài;

- Tài khoản số: 58010000791694 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Định;

- Tài khoản số: 0051000516083 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định;

- Tài khoản số: 22222396868 tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Bình Định.

9. Trường hợp có sự thay đổi ngày giờ, thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá thì sẽ có thông báo cụ thể.

10. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

* Người tham gia đấu giá là hộ gia đình, cá nhân thuộc đối tượng được nhà nước giao đất ở có thu tiền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai có nhu cầu để xây dựng nhà ở theo quy hoạch được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

* Người tham gia đấu giá phải nộp 01 bộ hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ của một lô đất đấu giá cho Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương gồm:

- 01 Giấy đăng ký và cam kết tham gia đấu giá (theo mẫu bản chính). Người tham gia đấu giá phải điền đầy đủ thông tin, ghi lô đất, khu đất, địa điểm tọa lạc của lô đất đấu giá...;

- 01 Bản phô tô giấy CMND hoặc thẻ căn cước công dân;

- 01 Chứng từ nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá, cụ thể:

+ Mỗi lô đất nộp riêng một chứng từ nộp tiền, số tiền nộp bắt buộc phải đúng bằng số tiền theo thông báo đã quy định, người tham gia đấu giá phải nộp hoặc chuyển khoản vào tài khoản;

+ Chứng từ nộp tiền đặt trước không ghi lô đất đấu giá mà chỉ ghi “*nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá đất Hoài Nhơn*”;

+ Đối với trường hợp chuyển tiền bằng Internet Banking thì phần nội dung chuyển tiền phải thể hiện họ tên đầy đủ của người tham gia đấu giá;

+ Đối với trường hợp người khác nộp hoặc chuyển tiền thay cho người tham gia đấu giá thì phần nội dung chuyển tiền phải thể hiện họ tên đầy đủ của người tham gia đấu giá. Người nộp hoặc chuyển tiền thay không được nộp thay cho người thứ 02 trong cùng 01 lô đất và cũng không được tham gia đấu giá trong cùng 01 lô đất;

- 01 Chứng từ nộp tiền hồ sơ tham gia đấu giá, cụ thể:

+ Người tham gia đấu giá được nộp trực tiếp bằng tiền mặt (tại địa điểm đăng ký tham gia đấu giá hoặc nộp ngân hàng) hoặc chuyển khoản vào tài khoản, có thể nộp riêng cho từng lô đất hoặc cộng nộp chung cho nhiều lô đất tham gia đấu giá;

+ Chứng từ nộp tiền hồ sơ tham gia đấu giá không ghi lô đất đấu giá;

- 01 Phiếu trả giá gián tiếp, cụ thể:

+ Phiếu trả giá bắt buộc phải viết cùng 01 màu mực không bay màu, không được gạch bỏ, sửa chữa, tẩy xóa;

+ Phiếu trả giá bắt buộc phải bỏ vào bì thư đựng phiếu bảo mật, phải dán kín bằng keo dán và phải ký tại mép dán của bì thư;

+ Cách trả giá như sau: Giá sử lô đất có giá khởi điểm là **600.000.000** đồng, bước giá là **20.000.000** đồng. Người tham gia đấu giá chọn một trong hai cách ghi phiếu trả giá sau đây:

Hoặc là chọn cách 1 trả giá ghi theo bước giá thì ghi vào phiếu trả giá: **“01 bước, bằng chữ: một bước”** hoặc **“02 bước, bằng chữ: hai bước”** hoặc.....; trường hợp nếu ghi **“0 bước”** hay **“không bước”** thì phiếu trả giá không hợp lệ, bị loại;

Hoặc là chọn cách 2 trả giá ghi theo số tiền thì ghi vào phiếu trả giá: **“600.000.000 đồng, bằng chữ: Sáu trăm triệu đồng hoặc giá khởi điểm”** hoặc **“620.000.000 đồng, bằng chữ: Sáu trăm hai mươi triệu đồng”** hoặc.....;

Trường hợp nếu hồ sơ không tuân thủ các nội dung nêu trên thì không hợp lệ và bị loại không được tham gia cuộc đấu giá;

Tất cả các loại giấy tờ nêu trên phải được bỏ vào một bì thư lớn dán kín lại, không ghi lô đất đấu giá và phải bỏ vào thùng đựng hồ sơ tham gia đấu giá và phiếu trả giá;

* Giá trúng đấu giá phải cao hơn giá khởi điểm ít nhất là một bước giá (tròn bước giá);

* Điều kiện về mối quan hệ: Trong một lô đất, những người có quan hệ hôn nhân, huyết thống, nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình thì chỉ được một cá nhân tham gia đấu giá;

* Về ủy quyền tham gia đấu giá: Người tham gia đấu giá phải tự mình hoặc uỷ quyền cho người khác tham gia đấu giá bằng văn bản phải có công chứng, chứng thực theo quy định của Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;

* Điều kiện để người tham gia đấu giá được vào địa điểm tổ chức cuộc đấu giá như sau:

- Phải xuất trình bản chính Giấy tờ tùy thân có dán ảnh;
- Phải xuất trình bản chính Giấy ủy quyền (nếu là người được ủy quyền);
- Phải đeo khẩu trang.

Mọi chi tiết vui lòng liên hệ tại **Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương** để biết các thông tin liên quan về việc đấu giá tài sản.

Nơi nhận:

- Ban Quản lý DA ĐTXD và PTQĐ thị xã Hoài Nhơn;
- UBND các xã, phường nơi có đất đấu giá;
- Niêm yết, lưu hs, Cty ...



TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Việt Hùng

BẢNG CHI TIẾT ĐẦU GIÁ QSDĐ Ở
TẠI CÁC KHU DÂN CƯ TRÊN ĐỊA BÀN THỊ XÃ HOÀI NHƠN
(Kèm theo Thông báo đầu giá tài sản số: 173/TBĐGTS-ĐD ngày 14/3/2023)

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
			(đồng/m ²)	(đồng/lô)			
I. Cuộc đấu giá và công bố giá vào ngày 03/4/2023							
1. Các khu dân cư phường Bồng Sơn							
1.1. Khu dân cư thuộc dự án đường kết nối giữa QL1 cũ và QL1 mới tại Km 1145+540							
Khu OL1							
1	298	108,00	21.000.000	2.268.000.000	425.000.000	500.000	70.000.000
2	300	100,00	19.000.000	1.900.000.000	380.000.000	500.000	70.000.000
3	302	112,00	19.000.000	2.128.000.000	425.000.000	500.000	70.000.000
4	304	117,00	19.000.000	2.223.000.000	425.000.000	500.000	70.000.000
5	306	117,00	19.000.000	2.223.000.000	425.000.000	500.000	70.000.000
6	308	100,00	19.000.000	1.900.000.000	380.000.000	500.000	70.000.000
7	310	100,00	19.000.000	1.900.000.000	380.000.000	500.000	70.000.000
8	312	100,00	19.000.000	1.900.000.000	380.000.000	500.000	70.000.000
9	314	100,00	19.000.000	1.900.000.000	380.000.000	500.000	70.000.000
10	316	100,00	19.000.000	1.900.000.000	380.000.000	500.000	70.000.000
Khu OL2							
11	262	104,60	21.000.000	2.196.600.000	410.000.000	500.000	70.000.000
12	264	100,00	19.000.000	1.900.000.000	380.000.000	500.000	70.000.000
13	266	108,00	19.000.000	2.052.000.000	410.000.000	500.000	70.000.000
14	268	118,00	19.000.000	2.242.000.000	410.000.000	500.000	70.000.000
15	270	126,00	19.000.000	2.394.000.000	410.000.000	500.000	70.000.000
16	272	100,00	19.000.000	1.900.000.000	380.000.000	500.000	70.000.000
17	274	100,00	19.000.000	1.900.000.000	380.000.000	500.000	70.000.000
18	276	100,00	19.000.000	1.900.000.000	380.000.000	500.000	70.000.000
19	278	100,00	19.000.000	1.900.000.000	380.000.000	500.000	70.000.000
20	280	100,00	19.000.000	1.900.000.000	380.000.000	500.000	70.000.000
Khu OL3							
21	158	100,00	30.000.000	3.000.000.000	600.000.000	500.000	100.000.000
22	178	100,00	17.000.000	1.700.000.000	340.000.000	500.000	70.000.000
23	180	100,00	17.000.000	1.700.000.000	340.000.000	500.000	70.000.000
24	182	100,00	17.000.000	1.700.000.000	340.000.000	500.000	70.000.000

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
			(đồng/m ²)	(đồng/lô)			
25	184	100,00	17.000.000	1.700.000.000	340.000.000	500.000	70.000.000
26	186	100,00	17.000.000	1.700.000.000	340.000.000	500.000	70.000.000

Khu OL6

27	1	100,00	15.000.000	1.500.000.000	300.000.000	500.000	70.000.000
28	26	100,00	30.000.000	3.000.000.000	600.000.000	500.000	100.000.000
29	38	100,00	15.000.000	1.500.000.000	300.000.000	500.000	70.000.000
30	50	100,00	15.000.000	1.500.000.000	300.000.000	500.000	70.000.000
31	52	100,00	15.000.000	1.500.000.000	300.000.000	500.000	70.000.000
32	54	100,00	15.000.000	1.500.000.000	300.000.000	500.000	70.000.000
33	56	100,00	15.000.000	1.500.000.000	300.000.000	500.000	70.000.000

Khu OL7

34	137	100,00	17.000.000	1.700.000.000	340.000.000	500.000	70.000.000
35	139	100,00	17.000.000	1.700.000.000	340.000.000	500.000	70.000.000
36	141	100,00	17.000.000	1.700.000.000	340.000.000	500.000	70.000.000
37	143	100,00	17.000.000	1.700.000.000	340.000.000	500.000	70.000.000
38	145	100,00	17.000.000	1.700.000.000	340.000.000	500.000	70.000.000
39	147	100,00	17.000.000	1.700.000.000	340.000.000	500.000	70.000.000
40	151	100,00	17.000.000	1.700.000.000	340.000.000	500.000	70.000.000
41	153	100,00	17.000.000	1.700.000.000	340.000.000	500.000	70.000.000

Khu OL11

42	205	100,00	17.000.000	1.700.000.000	340.000.000	500.000	70.000.000
43	207	100,00	17.000.000	1.700.000.000	340.000.000	500.000	70.000.000
44	209	100,00	17.000.000	1.700.000.000	340.000.000	500.000	70.000.000
45	211	100,00	17.000.000	1.700.000.000	340.000.000	500.000	70.000.000
46	213	100,00	17.000.000	1.700.000.000	340.000.000	500.000	70.000.000
47	215	100,00	17.000.000	1.700.000.000	340.000.000	500.000	70.000.000
48	217	100,00	17.000.000	1.700.000.000	340.000.000	500.000	70.000.000
49	219	100,00	17.000.000	1.700.000.000	340.000.000	500.000	70.000.000
50	221	100,00	17.000.000	1.700.000.000	340.000.000	500.000	70.000.000
51	223	100,00	17.000.000	1.700.000.000	340.000.000	500.000	70.000.000
52	225	100,00	17.000.000	1.700.000.000	340.000.000	500.000	70.000.000
53	227	100,90	19.000.000	1.917.100.000	380.000.000	500.000	70.000.000
54	229	100,00	19.000.000	1.900.000.000	380.000.000	500.000	70.000.000

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
			(đồng/m ²)	(đồng/lô)			
55	231	100,00	19.000.000	1.900.000.000	380.000.000	500.000	70.000.000
56	233	100,00	19.000.000	1.900.000.000	380.000.000	500.000	70.000.000
57	235	100,00	19.000.000	1.900.000.000	380.000.000	500.000	70.000.000

Khu OL12

Phần dọc Lại Giang

58	1	100,00	20.000.000	2.000.000.000	400.000.000	500.000	70.000.000
59	231	202,10	17.000.000	3.435.700.000	687.000.000	500.000	70.000.000
60	233	180,60	20.000.000	3.612.000.000	687.000.000	500.000	80.000.000
61	235	100,00	20.000.000	2.000.000.000	400.000.000	500.000	70.000.000
62	237	100,00	20.000.000	2.000.000.000	400.000.000	500.000	70.000.000
63	241	100,00	20.000.000	2.000.000.000	400.000.000	500.000	70.000.000
64	243	100,00	20.000.000	2.000.000.000	400.000.000	500.000	70.000.000
65	245	100,00	20.000.000	2.000.000.000	400.000.000	500.000	70.000.000
66	247	100,00	20.000.000	2.000.000.000	400.000.000	500.000	70.000.000
67	249	100,00	20.000.000	2.000.000.000	400.000.000	500.000	70.000.000
68	251	100,00	20.000.000	2.000.000.000	400.000.000	500.000	70.000.000
69	299	122,80	17.000.000	2.087.600.000	400.000.000	500.000	70.000.000

Phần còn lại

70	237	100,00	19.000.000	1.900.000.000	380.000.000	500.000	70.000.000
71	239	100,00	19.000.000	1.900.000.000	380.000.000	500.000	70.000.000
72	241	100,00	19.000.000	1.900.000.000	380.000.000	500.000	70.000.000
73	243	100,00	19.000.000	1.900.000.000	380.000.000	500.000	70.000.000
74	245	95,59	19.000.000	1.816.210.000	340.000.000	500.000	70.000.000
75	247	100,00	17.000.000	1.700.000.000	340.000.000	500.000	70.000.000
76	249	100,00	17.000.000	1.700.000.000	340.000.000	500.000	70.000.000
77	251	100,00	17.000.000	1.700.000.000	340.000.000	500.000	70.000.000

1.2. Khu dân cư khu phố 2

1	41	105,00	14.000.000	1.470.000.000	280.000.000	500.000	60.000.000
2	53	100,00	16.000.000	1.600.000.000	320.000.000	500.000	60.000.000
3	54	100,00	16.000.000	1.600.000.000	320.000.000	500.000	60.000.000
4	55	100,00	16.000.000	1.600.000.000	320.000.000	500.000	60.000.000
5	57	100,00	14.000.000	1.400.000.000	280.000.000	500.000	60.000.000
6	58	100,00	14.000.000	1.400.000.000	280.000.000	500.000	60.000.000

Handwritten signature

10/01/2021
 DINH

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
			(đồng/m ²)	(đồng/lô)			
7	60	100,00	14.000.000	1.400.000.000	280.000.000	500.000	60.000.000
8	61	100,00	14.000.000	1.400.000.000	280.000.000	500.000	60.000.000
9	62	100,00	14.000.000	1.400.000.000	280.000.000	500.000	60.000.000
10	112	90,00	17.000.000	1.530.000.000	306.000.000	500.000	60.000.000
11	114	100,00	16.000.000	1.600.000.000	320.000.000	500.000	60.000.000
12	115	100,00	16.000.000	1.600.000.000	320.000.000	500.000	60.000.000

2. Khu dân cư khu phố Lại Khánh, phường Hoài Đức

Khu A

1	1	159,50	5.500.000	877.250.000	175.000.000	500.000	25.000.000
2	2	141,00	5.000.000	705.000.000	141.000.000	500.000	20.000.000
3	3	141,00	5.000.000	705.000.000	141.000.000	500.000	20.000.000
4	4	141,00	5.000.000	705.000.000	141.000.000	500.000	20.000.000
5	5	141,00	5.000.000	705.000.000	141.000.000	500.000	20.000.000
6	6	141,00	5.000.000	705.000.000	141.000.000	500.000	20.000.000
7	7	141,00	5.000.000	705.000.000	141.000.000	500.000	20.000.000
8	8	141,00	5.000.000	705.000.000	141.000.000	500.000	20.000.000
9	9	141,00	5.000.000	705.000.000	141.000.000	500.000	20.000.000
10	10	141,00	5.000.000	705.000.000	141.000.000	500.000	20.000.000
11	11	201,60	5.000.000	1.008.000.000	175.000.000	500.000	25.000.000
12	12	141,00	4.500.000	634.500.000	126.000.000	500.000	15.000.000
13	13	141,00	4.500.000	634.500.000	126.000.000	500.000	15.000.000
14	14	141,00	4.500.000	634.500.000	126.000.000	500.000	15.000.000
15	15	141,00	4.500.000	634.500.000	126.000.000	500.000	15.000.000
16	16	141,00	4.500.000	634.500.000	126.000.000	500.000	15.000.000
17	17	141,00	4.500.000	634.500.000	126.000.000	500.000	15.000.000
18	18	141,00	4.500.000	634.500.000	126.000.000	500.000	15.000.000
19	19	141,00	4.500.000	634.500.000	126.000.000	500.000	15.000.000

Khu B

20	1	171,10	5.000.000	855.500.000	171.000.000	500.000	25.000.000
21	2	141,00	4.500.000	634.500.000	126.000.000	500.000	15.000.000
22	3	141,00	4.500.000	634.500.000	126.000.000	500.000	15.000.000
23	4	141,00	4.500.000	634.500.000	126.000.000	500.000	15.000.000
24	5	141,00	4.500.000	634.500.000	126.000.000	500.000	15.000.000

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
			(đồng/m ²)	(đồng/lô)			
25	6	141,00	4.500.000	634.500.000	126.000.000	500.000	15.000.000
26	7	141,00	4.500.000	634.500.000	126.000.000	500.000	15.000.000
27	8	141,00	4.500.000	634.500.000	126.000.000	500.000	15.000.000
28	9	190,80	5.000.000	954.000.000	171.000.000	500.000	25.000.000
29	10	141,00	4.500.000	634.500.000	126.000.000	500.000	15.000.000
30	11	141,00	4.500.000	634.500.000	126.000.000	500.000	15.000.000
31	12	141,00	4.500.000	634.500.000	126.000.000	500.000	15.000.000
32	13	141,00	4.500.000	634.500.000	126.000.000	500.000	15.000.000
33	14	141,00	4.500.000	634.500.000	126.000.000	500.000	15.000.000
34	15	141,00	4.500.000	634.500.000	126.000.000	500.000	15.000.000

- Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá:
- + Tại Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương: Liên tục kể từ ngày niêm yết đến 11 giờ 30 phút ngày 31/3/2023 (Chỉ bán hồ sơ tham gia đấu giá);
- + Tại Trụ sở UBND phường Hoài Đức: Từ 08 giờ đến 16 giờ 30 phút ngày 31/3/2023 đối với các lô đất thuộc phường Hoài Đức;
- + Tại Trụ sở UBND phường Bồng Sơn: Từ 08 giờ đến 16 giờ 30 phút ngày 31/3/2023 đối với các lô đất thuộc phường Bồng Sơn;
- Thời gian nộp khoản tiền đặt trước: Đến trước 16 giờ 30 phút ngày 31/3/2023;
- Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá và công bố giá:
- + Tại Trụ sở UBND phường Bồng Sơn: Bắt đầu lúc 08 giờ ngày 03/4/2023 đối với các lô đất thuộc phường Bồng Sơn;
- + Tại Trụ sở UBND phường Hoài Đức: Bắt đầu lúc 13 giờ 30 phút ngày 03/4/2023 đối với các lô đất thuộc phường Hoài Đức.

II. Cuộc đấu giá và công bố giá vào ngày 08/4/2023

1. Các khu dân cư phường Hoài Thanh Tây

Khu dân cư khu phố Tài Lương 1

1	4	144,37	5.000.000	721.850.000	140.000.000	500.000	20.000.000
2	9	150,00	4.000.000	600.000.000	120.000.000	500.000	20.000.000
3	10	150,00	4.000.000	600.000.000	120.000.000	500.000	20.000.000
4	11	150,00	4.000.000	600.000.000	120.000.000	500.000	20.000.000
5	12	150,00	4.000.000	600.000.000	120.000.000	500.000	20.000.000
6	16	150,00	4.000.000	600.000.000	120.000.000	500.000	20.000.000
7	21	150,00	4.000.000	600.000.000	120.000.000	500.000	20.000.000
8	22	150,00	4.000.000	600.000.000	120.000.000	500.000	20.000.000
9	23	150,00	4.000.000	600.000.000	120.000.000	500.000	20.000.000
10	24	150,00	4.000.000	600.000.000	120.000.000	500.000	20.000.000

Khu dân cư khu phố Ngọc An Trung

11	16	127,50	10.500.000	1.338.750.000	267.000.000	500.000	40.000.000
----	----	--------	------------	---------------	-------------	---------	------------

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
			(đồng/m ²)	(đồng/lô)			
12	17	127,50	10.500.000	1.338.750.000	267.000.000	500.000	40.000.000

2. Các khu dân cư phường Hoài Thanh

Khu dân cư khu phố Mỹ An 1 (thửa đất số 776, tờ bản đồ số 12)

1	1	170,30	3.000.000	510.900.000	102.000.000	500.000	15.000.000
2	2	182,00	3.000.000	546.000.000	102.000.000	500.000	15.000.000
3	3	195,30	3.000.000	585.900.000	102.000.000	500.000	15.000.000

Khu dân cư khu phố Mỹ An 1 (thửa đất số 794, tờ bản đồ số 12)

4	1	165,70	6.500.000	1.077.050.000	215.000.000	500.000	35.000.000
---	---	--------	-----------	---------------	-------------	---------	------------

Khu dân cư khu phố An Lộc 2 (thửa đất số 45, 98, 108, 109, 110, 173, 174, tờ bản đồ số 17)

5	4	258,90	2.000.000	517.800.000	78.000.000	500.000	15.000.000
6	14	196,80	2.000.000	393.600.000	78.000.000	200.000	15.000.000

Khu dân cư khu phố Trường An 2 (thửa đất số 206, tờ bản đồ số 12)

7	2	195,30	3.500.000	683.550.000	136.000.000	500.000	20.000.000
---	---	--------	-----------	-------------	-------------	---------	------------

3. Khu dân cư khu phố Đức Đức 1, phường Hoài Tân

1	1	226,70	3.000.000	680.100.000	136.000.000	500.000	20.000.000
2	2	149,20	3.000.000	447.600.000	89.000.000	200.000	20.000.000
3	3	153,00	3.000.000	459.000.000	89.000.000	200.000	20.000.000
4	4	156,80	3.000.000	470.400.000	89.000.000	200.000	20.000.000
5	5	160,60	3.000.000	481.800.000	89.000.000	200.000	20.000.000
6	6	164,50	3.000.000	493.500.000	89.000.000	200.000	20.000.000
7	7	182,02	3.000.000	546.060.000	107.000.000	500.000	20.000.000
8	8	215,50	3.000.000	646.500.000	129.000.000	500.000	20.000.000
9	9	215,50	3.000.000	646.500.000	129.000.000	500.000	20.000.000
10	10	215,50	3.000.000	646.500.000	129.000.000	500.000	20.000.000
11	11	217,00	3.000.000	651.000.000	129.000.000	500.000	20.000.000
12	12	215,00	3.000.000	645.000.000	129.000.000	500.000	20.000.000
13	13	235,00	3.000.000	705.000.000	136.000.000	500.000	20.000.000
14	14	244,00	3.000.000	732.000.000	136.000.000	500.000	20.000.000
15	15	257,40	3.000.000	772.200.000	136.000.000	500.000	20.000.000
16	16	197,10	3.000.000	591.300.000	107.000.000	500.000	20.000.000
17	17	195,10	3.000.000	585.300.000	107.000.000	500.000	20.000.000
18	18	193,10	3.000.000	579.300.000	107.000.000	500.000	20.000.000

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
			(đồng/m ²)	(đồng/lô)			
19	19	191,20	3.000.000	573.600.000	107.000.000	500.000	20.000.000

- Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá:
- + Tại Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương: Liên tục kể từ ngày niêm yết đến 11 giờ 30 phút ngày 05/4/2023 (Chỉ bán hồ sơ tham gia đấu giá);
- + Tại Trụ sở UBND phường Hoài Tân: Từ 08 giờ đến 16 giờ 30 phút ngày 05/4/2023 đối với các lô đất thuộc phường Hoài Tân;
- + Tại Trụ sở UBND phường Hoài Thanh: Từ 08 giờ đến 16 giờ 30 phút ngày 05/4/2023 đối với các lô đất thuộc phường Hoài Thanh;
- + Tại Trụ sở UBND phường Hoài Thanh Tây: Từ 08 giờ đến 16 giờ 30 phút ngày 05/4/2023 đối với các lô đất thuộc phường Hoài Thanh Tây;
- Thời gian nộp khoản tiền đặt trước: Đến trước 16 giờ 30 phút ngày 05/4/2023;
- Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá và công bố giá:
- + Tại Trụ sở UBND phường Hoài Tân: Bắt đầu lúc 08 giờ ngày 08/4/2023 đối với các lô đất thuộc phường Hoài Tân;
- + Tại Trụ sở UBND phường Hoài Thanh Tây: Bắt đầu lúc 13 giờ 30 phút ngày 08/4/2023 đối với các lô đất thuộc phường Hoài Thanh Tây và phường Hoài Thanh.

III. Cuộc đấu giá và công bố giá vào ngày 15/4/2023

1. Khu dân cư khu phố Ca Công, phường Hoài Hương

1	1	100,00	8.500.000	850.000.000	170.000.000	500.000	25.000.000
2	2	100,00	8.500.000	850.000.000	170.000.000	500.000	25.000.000
3	3	100,00	8.500.000	850.000.000	170.000.000	500.000	25.000.000
4	4	100,00	8.500.000	850.000.000	170.000.000	500.000	25.000.000
5	5	104,00	8.500.000	884.000.000	170.000.000	500.000	25.000.000
6	6	123,00	7.500.000	922.500.000	180.000.000	500.000	25.000.000
7	7	120,00	7.500.000	900.000.000	180.000.000	500.000	25.000.000
8	8	118,00	7.000.000	826.000.000	162.000.000	500.000	25.000.000
9	11	131,00	8.000.000	1.048.000.000	209.000.000	500.000	25.000.000
10	12	123,00	7.000.000	861.000.000	172.000.000	500.000	25.000.000
11	13	123,00	7.000.000	861.000.000	172.000.000	500.000	25.000.000

2. Khu dân cư khu phố Tăng Long 1, phường Tam Quan Nam

Khu D0-01

1	1	125,00	7.000.000	875.000.000	175.000.000	500.000	25.000.000
2	2	125,00	7.000.000	875.000.000	175.000.000	500.000	25.000.000
3	3	125,00	7.000.000	875.000.000	175.000.000	500.000	25.000.000
4	4	125,00	7.000.000	875.000.000	175.000.000	500.000	25.000.000
5	5	125,00	7.000.000	875.000.000	175.000.000	500.000	25.000.000
6	6	125,00	7.000.000	875.000.000	175.000.000	500.000	25.000.000
7	7	125,00	7.000.000	875.000.000	175.000.000	500.000	25.000.000

nk

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
			(đồng/m ²)	(đồng/lô)			
Khu D0-02							
8	1	137,50	11.000.000	1.512.500.000	250.000.000	500.000	35.000.000
9	2	125,00	10.000.000	1.250.000.000	250.000.000	500.000	35.000.000
10	10	115,00	7.000.000	805.000.000	161.000.000	500.000	25.000.000
11	11	115,00	7.000.000	805.000.000	161.000.000	500.000	25.000.000
12	12	115,00	7.000.000	805.000.000	161.000.000	500.000	25.000.000
13	13	115,00	7.000.000	805.000.000	161.000.000	500.000	25.000.000
14	14	115,00	7.000.000	805.000.000	161.000.000	500.000	25.000.000
15	15	115,00	7.000.000	805.000.000	161.000.000	500.000	25.000.000
16	16	115,00	7.000.000	805.000.000	161.000.000	500.000	25.000.000
17	17	115,00	7.000.000	805.000.000	161.000.000	500.000	25.000.000
18	18	115,00	7.000.000	805.000.000	161.000.000	500.000	25.000.000
19	19	115,00	7.000.000	805.000.000	161.000.000	500.000	25.000.000
20	20	115,00	7.000.000	805.000.000	161.000.000	500.000	25.000.000
21	21	115,00	7.000.000	805.000.000	161.000.000	500.000	25.000.000
22	22	115,00	7.000.000	805.000.000	161.000.000	500.000	25.000.000
23	23	115,00	7.000.000	805.000.000	161.000.000	500.000	25.000.000
24	24	115,00	7.000.000	805.000.000	161.000.000	500.000	25.000.000
25	25	115,00	7.000.000	805.000.000	161.000.000	500.000	25.000.000
26	26	115,00	7.000.000	805.000.000	161.000.000	500.000	25.000.000
27	28	115,00	7.000.000	805.000.000	161.000.000	500.000	25.000.000
28	29	115,00	7.000.000	805.000.000	161.000.000	500.000	25.000.000
Khu D0-03							
29	1	125,00	11.000.000	1.375.000.000	250.000.000	500.000	35.000.000
30	5	125,00	11.000.000	1.375.000.000	250.000.000	500.000	35.000.000
31	6	125,00	7.000.000	875.000.000	175.000.000	500.000	25.000.000
32	7	125,00	7.000.000	875.000.000	175.000.000	500.000	25.000.000
33	8	125,00	7.000.000	875.000.000	175.000.000	500.000	25.000.000
34	9	125,00	7.000.000	875.000.000	175.000.000	500.000	25.000.000
35	10	125,00	7.000.000	875.000.000	175.000.000	500.000	25.000.000
36	11	125,00	7.000.000	875.000.000	175.000.000	500.000	25.000.000
37	12	125,00	7.000.000	875.000.000	175.000.000	500.000	25.000.000

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
			(đồng/m ²)	(đồng/lô)			
38	13	125,00	7.000.000	875.000.000	175.000.000	500.000	25.000.000
39	14	125,00	7.000.000	875.000.000	175.000.000	500.000	25.000.000
40	15	125,00	7.000.000	875.000.000	175.000.000	500.000	25.000.000

- Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá:

+ Tại Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương: Liên tục kể từ ngày niêm yết đến 11 giờ 30 phút ngày 12/4/2023 (Chỉ bán hồ sơ tham gia đấu giá);

+ Tại Trụ sở UBND phường Tam Quan Nam: Từ 08 giờ đến 16 giờ 30 phút ngày 12/4/2023 đối với các lô đất thuộc phường Tam Quan Nam;

+ Tại Trụ sở UBND phường Hoài Hương: Từ 08 giờ đến 16 giờ 30 phút ngày 12/4/2023 đối với các lô đất thuộc phường Hoài Hương;

- Thời gian nộp khoản tiền đặt trước: Đến trước 16 giờ 30 phút ngày 12/4/2023;

- Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá và công bố giá:

+ Tại Trụ sở UBND phường Tam Quan Nam: Bắt đầu lúc 08 giờ ngày 15/4/2023 đối với các lô đất thuộc phường Tam Quan Nam;

+ Tại Trụ sở UBND phường Hoài Hương: Bắt đầu lúc 13 giờ 30 phút ngày 15/4/2023 đối với các lô đất thuộc phường Hoài Hương.

IV. Cuộc đấu giá và công bố giá vào ngày 22/4/2023

1. Khu dân cư thôn Tân Trung (điểm số 2), xã Hoài Châu

1	1	217,40	3.900.000	847.860.000	169.000.000	500.000	20.000.000
2	2	195,00	3.500.000	682.500.000	136.000.000	500.000	20.000.000
3	3	195,00	3.500.000	682.500.000	136.000.000	500.000	20.000.000
4	4	195,00	3.500.000	682.500.000	136.000.000	500.000	20.000.000
5	5	195,00	3.500.000	682.500.000	136.000.000	500.000	20.000.000
6	6	195,00	3.500.000	682.500.000	136.000.000	500.000	20.000.000
7	7	195,00	3.500.000	682.500.000	136.000.000	500.000	20.000.000
8	8	195,00	3.500.000	682.500.000	136.000.000	500.000	20.000.000
9	9	195,00	3.500.000	682.500.000	136.000.000	500.000	20.000.000
10	10	195,00	3.500.000	682.500.000	136.000.000	500.000	20.000.000
11	11	195,00	3.500.000	682.500.000	136.000.000	500.000	20.000.000
12	12	195,00	3.500.000	682.500.000	136.000.000	500.000	20.000.000
13	13	195,00	3.500.000	682.500.000	136.000.000	500.000	20.000.000
14	14	195,00	3.500.000	682.500.000	136.000.000	500.000	20.000.000
15	15	195,00	3.500.000	682.500.000	136.000.000	500.000	20.000.000
16	16	195,00	3.500.000	682.500.000	136.000.000	500.000	20.000.000
17	17	211,20	3.500.000	739.200.000	147.000.000	500.000	20.000.000
18	18	211,20	3.500.000	739.200.000	147.000.000	500.000	20.000.000
19	19	211,20	3.500.000	739.200.000	147.000.000	500.000	20.000.000

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
			(đồng/m ²)	(đồng/lô)			
20	20	211,20	3.500.000	739.200.000	147.000.000	500.000	20.000.000
21	21	211,20	3.500.000	739.200.000	147.000.000	500.000	20.000.000
22	22	211,20	3.500.000	739.200.000	147.000.000	500.000	20.000.000
23	24	284,00	3.500.000	994.000.000	169.000.000	500.000	20.000.000

2. Khu dân cư xã Hoài Châu Bắc

Khu dân cư thôn Liễu An, xã Hoài Châu Bắc (Khu A)

1	1	160,00	4.500.000	720.000.000	144.000.000	500.000	25.000.000
---	---	--------	-----------	-------------	-------------	---------	------------

Khu dân cư thôn Liễu An (ngoài nhà ông Tám)

2	1	212,30	3.500.000	743.050.000	140.000.000	500.000	20.000.000
3	2	219,00	3.200.000	700.800.000	140.000.000	500.000	20.000.000
4	3	226,00	3.200.000	723.200.000	140.000.000	500.000	20.000.000
5	4	232,00	3.200.000	742.400.000	140.000.000	500.000	20.000.000
6	5	240,00	3.200.000	768.000.000	140.000.000	500.000	20.000.000
7	6	246,50	3.200.000	788.800.000	140.000.000	500.000	20.000.000
8	7	253,40	3.200.000	810.880.000	140.000.000	500.000	20.000.000

Khu dân cư thôn Bình Đê

9	1	162,00	4.000.000	648.000.000	129.000.000	500.000	20.000.000
10	2	162,00	4.000.000	648.000.000	129.000.000	500.000	20.000.000
11	3	162,00	4.000.000	648.000.000	129.000.000	500.000	20.000.000
12	4	162,00	4.000.000	648.000.000	129.000.000	500.000	20.000.000
13	5	162,00	4.000.000	648.000.000	129.000.000	500.000	20.000.000
14	6	162,00	4.000.000	648.000.000	129.000.000	500.000	20.000.000
15	7	162,00	4.000.000	648.000.000	129.000.000	500.000	20.000.000

3. Khu dân cư khu phố Công Thành, phường Tam Quan Bắc

1	22	110,00	6.500.000	715.000.000	143.000.000	500.000	25.000.000
2	24	110,00	6.500.000	715.000.000	143.000.000	500.000	25.000.000
3	25	110,00	6.500.000	715.000.000	143.000.000	500.000	25.000.000
4	26	97,72	8.700.000	850.164.000	170.000.000	500.000	25.000.000
5	27	101,75	8.700.000	885.225.000	170.000.000	500.000	25.000.000
6	28	105,78	8.700.000	920.286.000	170.000.000	500.000	25.000.000
7	29	101,74	8.700.000	885.138.000	170.000.000	500.000	25.000.000
8	30	115,00	6.500.000	747.500.000	149.000.000	500.000	25.000.000
9	31	115,00	6.500.000	747.500.000	149.000.000	500.000	25.000.000

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm		Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)
			(đồng/m ²)	(đồng/lô)			
10	32	115,00	6.500.000	747.500.000	149.000.000	500.000	25.000.000
11	33	115,00	6.500.000	747.500.000	149.000.000	500.000	25.000.000
12	34	115,00	6.500.000	747.500.000	149.000.000	500.000	25.000.000
13	35	115,00	6.500.000	747.500.000	149.000.000	500.000	25.000.000

- Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá:

+ Tại Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Đồng Dương: Liên tục kể từ ngày niêm yết đến 11 giờ 30 phút ngày 19/4/2023 (Chỉ bán hồ sơ tham gia đấu giá);

+ Tại Trụ sở UBND xã Hoài Châu: Từ 08 giờ đến 16 giờ 30 phút ngày 19/4/2023 đối với các lô đất thuộc xã Hoài Châu;

+ Tại Trụ sở UBND xã Hoài Châu Bắc: Từ 08 giờ đến 16 giờ 30 phút ngày 19/4/2023 đối với các lô đất thuộc xã Hoài Châu Bắc;

+ Tại Trụ sở UBND phường Tam Quan Bắc: Từ 08 giờ đến 16 giờ 30 phút ngày 19/4/2023 đối với các lô đất thuộc phường Tam Quan Bắc;

- Thời gian nộp khoản tiền đặt trước: Đến trước 16 giờ 30 phút ngày 19/4/2023;

- Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá và công bố giá:

+ Tại Trụ sở UBND xã Hoài Châu: Bắt đầu lúc 08 giờ ngày 22/4/2023 đối với các lô đất thuộc xã Hoài Châu Bắc và xã Hoài Châu;

+ Tại Trụ sở UBND phường Tam Quan Bắc: Bắt đầu lúc 13 giờ 30 phút ngày 22/4/2023 đối với các lô đất thuộc phường Tam Quan Bắc.



